

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

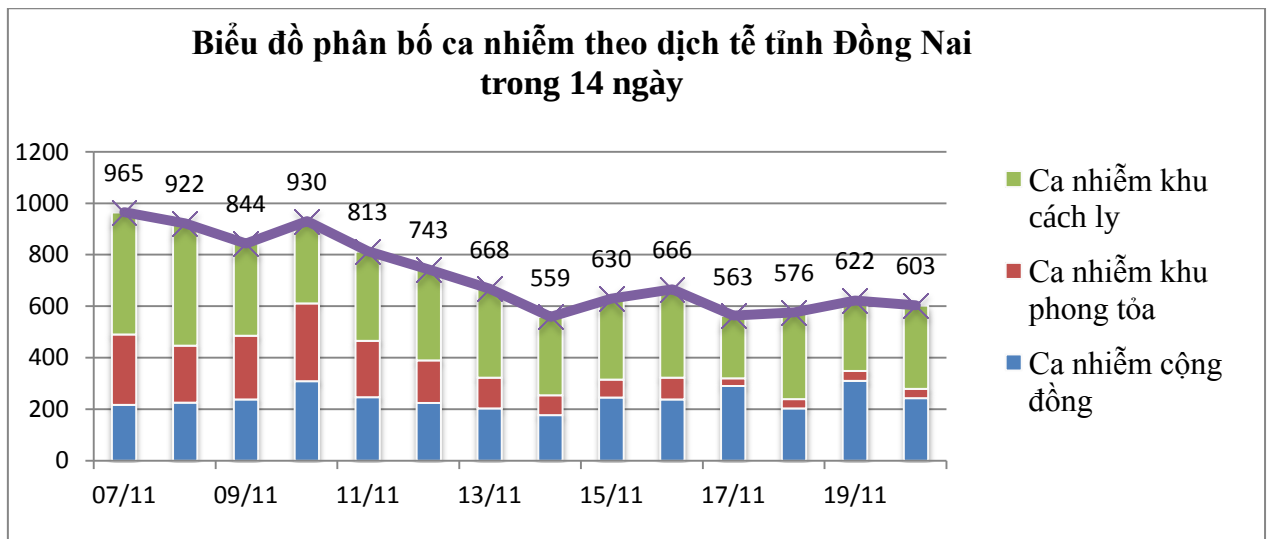
Số: 9764 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 21 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO NGÀY
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 20/11/2021

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày								Số F1	Số F2	Lũy kế ca bệnh
		Tổng cộng	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong khu CLTT	Số ca trong khu phong tỏa	Sàng lọc cộng đồng						
						Tổng	Trong đó					
							Cộng đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp			
1	Biên Hòa	363	133	230	0	0	0	0	0	75	0	33.781
2	Nhơn Trạch	48	17	31	0	0	0	0	0	-	-	17.822
3	Vĩnh Cửu	12	11	0	1	0	0	0	0	594	3	12.788
4	Trảng Bom	30	2	28	0	0	0	0	0	522	0	8.337
5	Long Thành	11	5	0	6	0	0	0	0	-	-	3.272
6	Thống Nhất	9	6	0	3	0	0	0	0	-	-	1.535
7	Định Quán	1	1	0	0	0	0	0	0	-	-	1.039
8	Xuân Lộc	93	58	35	0	0	0	0	0	-	-	1.027
9	Long Khánh	25	3	0	22	0	0	0	0	143	7	853
10	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	115	46	767
11	Tân Phú	11	7	0	4	0	0	0	0	-	-	674
12	Ngoại tỉnh, khác	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-	400
Tổng số		603	243	324	36	0	0	0	0	1449	56	82.295



- F0 cộng đồng: trong ngày phát sinh 243 ca (giảm 21,8%) so với hôm qua, Lũy kế trong 07 ngày là 1.711 ca (tăng 2,6% so với 7 ngày trước đó). cụ thể như sau:

- **Biên Hòa:** ghi nhận 133 ca ngụ tại An Bình (12), An Hòa (03), Bình Đa (04), Bửu Hòa (02), Bửu Long (02), Hiệp Hòa (02), Hóa An (01), Hồ Nai (02), Long Bình (31), Long Bình Tân (06), Phước Tân (03), Quang Vinh (02), Quyết Thắng (02), Tam Hiệp (05), Tam Hòa (01), Tam Phước (05), Tân Biên (02), Tân Hiệp (04), Tân Hòa (03), Tân Mai (04), Tân Phong (09), Thanh Bình (01), Thống Nhất (04), Trảng Dài (23).

- **Định Quán:** ghi nhận 01 ca ngụ tại Túc Trưng.

- **Long Khánh:** ghi nhận 03 ca ngụ tại Bảo Vinh (03).

- **Long Thành:** ghi nhận 05 ca ngụ tại An Phước (02), Long Phước (02), Tam An (01).

- **Nhơn Trạch:** ghi nhận 17 ca ngụ tại Đại Phước (01), Hiệp Phước (03), Long Thọ (03), Phú Hội (02), Phú Hữu (01), Phú Thạnh (01), Phước An (01), Phước Thiện (03), Vĩnh Thanh (02).

- **Tân Phú:** ghi nhận 07 ca ngụ tại Núi Tượng (01), Phú Lâm (01), Phú Thạnh (01), Phú Tung (01), Phú Xuân (02), TT Tân Phú (01).

- **Thống Nhất:** ghi nhận 06 ca ngụ tại Bàu Hàm 2 (01), Dầu Giây (01), Quang Trung (04).

- **Trảng Bom:** ghi nhận 02 ca ngụ tại Bắc Sơn (01), Tây Hòa (01).

- **Vĩnh Cửu:** ghi nhận 11 ca ngụ tại Vĩnh An (01), Thạnh Phú (06), Thiện Tân (01), Vĩnh Tân (03).

- **Xuân Lộc:** ghi nhận 58 ca ngụ tại Gia Ray (07), Suối Cao (02), Suối Cát (04), Xuân Bắc (07), Xuân Hiệp (02), Xuân Hòa (05), Xuân Hưng (10), Xuân Phú (03), Xuân Tâm (13), Xuân Thọ (02), Xuân Trường (03).

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 21,8% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 2,6% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố ghi nhận ca mắc mới và ca nhiễm trong cộng đồng

(trừ Cẩm Mỹ), nhiều nhất tại An Bình (12), Long Bình (31), Trảng Dài (23) – Biên Hòa; Xuân Hưng (10), Xuân Tâm (13), – Xuân Lộc.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 65 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	122	1.665	37.454	39.119
Cách ly tại nhà	1.574	20.904	82.441	103.345
Theo dõi sức khỏe	55	7.670	31.944	39.614

Trong đó :

- F1 : Đang theo dõi: 1.065; Lũy kế: 25.467
- F2: Đang theo dõi: 1.798; Lũy kế: 37.268

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch/Đang điều trị
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	603	12.467	324	69.214	13	670	28
Tỉ lệ		15,14%		84,05%		0,81%	0,22%

- Các ca đang điều trị: ECMO 00 ca, thở máy xâm lấn 28 ca (0,22%), CPAP 19 ca (0,16%), HFNC 54 ca (0,44%), thở oxy 223 ca (1,83%), có triệu chứng trung bình 1.159 ca (9,52%), không triệu chứng hoặc triệu chứng nhẹ 10.677 ca (87,68%).

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	298	256	42
Tầng 2	8.966	2.691	6.275
Tầng 1	8.623	3.233	5.390

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương triển khai	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Lũy kế
1	Biên Hòa	68	540	661
2	Trảng Bom	03	1.100	1.108

3	Cẩm Mỹ	19	294	294
4	Long Thành	184	1.376	1.376
	Tổng	274	3.310	3.439

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 18/11)

3.1. Tình hình tiêm chủng cho người trưởng thành từ 18 tuổi trở lên

STT	Địa phương	Số lượng tiêm trong ngày	Đã tiêm (Dữ liệu cập nhật trên hệ thống tiêm chủng MCC)			Tỉ lệ bao phủ (%)	
			Mũi 1	Mũi 2	Tổng	Mũi 1	Mũi 2
A	Tỉnh Đồng Nai	5.593	2.751.907	2.209.857	4.961.764	109,72%	88,11%
1	Biên Hòa	330	954.997	753.001	1.707.998	109,94%	86,69%
2	Long Khánh	20	138.120	112.461	250.581	113,38%	92,32%
3	Xuân Lộc	345	203.215	169.662	372.877	122,39%	102,18%
4	Tân Phú	1.946	119.636	93.932	213.568	89,07%	69,93%
5	Cẩm Mỹ	574	102.322	94.627	196.949	100,04%	92,52%
6	Trảng Bom	1.190	294.983	229.888	524.871	104,16%	81,17%
7	Định Quán	303	155.596	127.780	283.376	103,19%	84,74%
8	Vĩnh Cửu	1	145.561	116.989	262.550	120,15%	96,57%
5	Long Thành	884	239.810	195.792	435.602	125,51%	102,47%
10	Thống Nhất	-	126.767	105.105	231.872	97,29%	80,66%
11	Nhơn Trạch	-	270.900	210.620	481.520	113,60%	88,32%

- Tỉ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 109,72% ; Mũi 2: 88,11%.

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 22 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 4.886.878 liều.

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A) Mục tiêu tháng 10 đạt từ 80% trở lên			Người từ 50 tuổi trở lên (B) Mục tiêu tháng 11 đạt từ 80% trở lên		
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa		63.255	99,56	198.192	196.609	99,20
2	Long Khánh		13.051	99,71	37.675	36.408	96,64
3	Long Thành		22.261	94,93	59.238	56.336	95,10
4	Nhơn Trạch		14.531	95,44	48.894	47.049	96,23
5	Thống Nhất		11.391	87,37	37.414	31.672	84,65
6	Trảng Bom		17.120	89,56	92.978	88.032	94,68

7	Vĩnh Cửu		8.750	92,26	32.466	29.389	90,52
8	Xuân Lộc		18.297	92,72	57.427	56.004	97,52
9	Cẩm Mỹ		9.792	97,49	34.375	33.912	98,65
10	Định Quán		12.554	93,45	35.412	33.071	93,39
11	Tân Phú		11.411	95,33	23.040	22.057	95,73
	Tổng		202.413	95,43	657.111	630.539	95,96

Lưu ý: Số liệu tiêm vắc xin cho người trên 50 tuổi được hiệu chỉnh theo báo cáo thực tế của các địa phương.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 95,43%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 95,96%.

3.2. Tình hình tiêm chủng cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi.

STT	Địa phương	Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)						
		Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng	Số vắc xin còn lại
1	Biên Hòa	93.343		32.278	34,58%	2	0	270
2	Long Khánh	13.790		6.274	45,50%	0	0	
3	Long Thành	22.096		10.017	45,33%	1	0	
4	Nhơn Trạch	23.393		4.925	21,05%	1	0	54
5	Thống Nhất	16.405		9.556	58,25%	0	0	0
6	Trảng Bom	34.961		12.322	35,24%	0	0	0
7	Vĩnh Cửu	15.893		4.300	27,06%	2	0	0
8	Xuân Lộc	24.646		11.884	48,22%			
9	Cẩm Mỹ	12.810		2.877	22,46%			
10	Định Quán	20.291		15.389	75,84%	0	0	0
11	Tân Phú	17.908		5.480	30,60%	3		390
	Tổng	295.536		115.302	39,01%	9	0	714

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 39,01%.

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.657	606	1.485.833	10.327
RT-PCR mẫu đơn	4.312	1.748	1.941.397	214.170
RT-PCR mẫu gộp	385	99	342.375	256.637

Lượt người thực hiện PCR	6.129	1.748	3.647.682	214.170
---------------------------------	-------	-------	-----------	---------

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 45 mẫu tại Trảng Bom
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 99 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 196 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

+ 171 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (30), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (13), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

(xã Phước Thái – Long Thành thành lập 02 TYT lưu động)

+ 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Ghi nhận 58 ca ngụ tại Gia Ray (07), Suối Cao (02), Suối Cát (04), Xuân Bắc (07), Xuân Hiệp (02), Xuân Hòa (05), Xuân Hưng (10), Xuân Phú (03), Xuân Tâm (13), Xuân Thọ (02), Xuân Trường (03).

Nhận xét: Số ca nhiễm tại cộng đồng giảm 21,8% so với hôm qua, lũy kế trong 07 ngày tăng 2,6% so với 7 ngày trước đó. Các ổ dịch cộng đồng có nguồn lây đa phần liên quan đến các doanh nghiệp sản xuất và người về từ vùng có dịch, tạo thành nhiều ổ dịch lây nhiễm thứ phát rải rác trong cộng đồng. Trong ngày có 10/11 huyện/thành phố ghi nhận ca mắc mới và ca nhiễm trong cộng đồng (trừ Cẩm Mỹ), nhiều nhất tại An Bình (12), Long Bình (31), Trảng Dài (23) – Biên Hòa; Xuân Hưng (10), Xuân Tâm (13), – Xuân Lộc.

Số ca mắc mới tại cộng đồng (trừ ca mắc trong khu cách ly, nhập cảnh) /100.000 dân/tuần là 65 ca (Tổng dân số toàn tỉnh là 3.160.640 người theo báo cáo các huyện, thành phố).

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 18 tuổi trở lên:

+ Mũi 1: 109,72% ; Mũi 2: 88,11%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 95,43%.

- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 95,96%.

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 1 cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi đạt 39,01%.

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 18/11/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kì đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg trong ngày (Cập nhật đến ngày 18/11)

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.344 đơn vị
2. Người lao động	3.785 người	1.168.893 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	14.682 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.344 đơn vị
2. Người lao động	3.672 người	1.111.833 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	14.067 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	429.658/437.647	713,44/784,21	98,17

2	Cẩm Mỹ	21.224/21.224	32,00/32,00	100
3	Định Quán	35.210/36.630	54,08/56,21	96,12
4	TP. Long Khánh	53.706/53.706	85,30/85,30	100
5	Long Thành	63.745/63.745	98,39/98,39	100
6	Nhơn Trạch	115.302/124.515	183,76/203,74	92,60
7	Tân Phú	42.107/45.830	63,44/76,34	91,88
8	Trảng Bom	159.631/167.574	260,26/273,59	95,26
9	Thống Nhất	29.299/29.299	44,15/44,15	100
10	Xuân Lộc	56.453/82.383	89,24/116,83	68,53
11	Vĩnh Cửu	77.029/77.033	215,62/215,63	99,99
	Tổng cộng	1.083.365/1.139.586	1.840,25/1.986,42	95,07

***Lưu ý:** bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp và Hộ kinh doanh.*

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 18/11/2021 tại Báo cáo số 768/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố	Xã, phường
Cấp 1 (Bình thường mới)	01* (giảm 01)	54 (giảm 26)
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	10 (tăng 02)	81 (tăng 28)
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00 (giảm 01)	35 (giảm 02)
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 105 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%)</i> <i>170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động</i>		

* Huyện Xuân Lộc

Phụ lục 3: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận
								Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng					
												Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
1	BVĐN/ HSTC	40	50	1	5	0	47		219											26	
2	BVTN/TTHSTC	200	70	8	6	6	113	306	307	168	18	18	21	18	40	0	1	1	40		0
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	3	0	0	33	58	44	77	8	3	2	14	5	0		2	14	18	7

4	BVĐKKVLT	100	100	2	0	0	42	89	43	44	8	3	3	28	4	0	0	0	24	25	58
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	5	0	2	0	1	1	1	2	0	0	0	5	0	1	0
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	BV Đồng Nai 2	10	16	4	0	0	16	130	3	736	5	0	0	11	16	0	1	0	5	10	0
Tổng cộng (tầng 3)		530	297	18	11	6	256	584	618	1025	40	25	27	73	65	0	2	8	83	80	65
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	4	0	1	111	33	2	2105	0	0	0	0	5	106	3	16	6	7	174
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	8	0	0	183	103	0	2335	0	0	0	9	85	170	9	75	13	15	50
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	1	26	0	170	88	0	3738	0	0	0	15	33	137	18	15	16	75	50
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	8	36	0	96	69	0	2581	0	0	0	0	3	93	1	40	1	2	249
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	0	0	0	63	48	0	1739	0	0	0	0	2	61	2	14	6	9	0
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	9	23	0	184	130	0	6856	0	0	0	7	17	160	10	19	18	47	826
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	7	25	3	237	167	1	2453	0	7	0	7	28	212	6	4	6	26	463
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	600	8	91	1	135	65	0	3358	0	0	0	15	56	79	6	21	9	39	465
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	145	24	0	518	33	1	3206	0	0	0	9	9	509	3	114	22	63	144
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	17	40	3	320	118	0	4748	0	0	0	26	31	263	9	39	27	42	487
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	168	0	0	0	0	0	0	0	20	148	1	53	2	4	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	8	0	0	63	24	0	799	0	0	0	4	51	12	1	4	6	17	70
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	53	33	0	137	398	0	831	0	0	0	0	53	85	0	74	0	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	17	8	0	54	0	0	319	0	0	0	10	29	8	1	6	18	20	96
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	4	0	6	28	0	44	0	0	0	2	1	3	0	0	1	5	24
16	Bệnh viện Phổi	60	11	0	0	0	0		5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	116	6	10	2	116	130	3	736	5	0	0	11	38	62	7	6	43	60	0
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	14	3		68	210	2	435	1	0	1	2	5	59	0	0	0	10	0
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	10	2	0	41	32	1	341	0	0	0	4	23	14	1	5	0	5	24
20	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200				21									21					

Tổng cộng (tầng 2)		10365	9082	315	325	10	2691	1676	15	36624	6	7	1	121	489	2202	78	505	194	447	3122
1	Biên Hòa	2064	1672	17	43	6	359	1456	13	11788	0	0	0	2	84	287	6	55	9	16	774
2	Long Khánh	400	310	32	22	0	153	72	0	288	0	0	0	0	0	153	0	12	2	1	
3	Vĩnh Cửu	1296	1296	6	49	0	260	1514	3	8561	0	0	0	0	0	260	0	20	3	0	681
4	Định Quán	100	89	12	24	0	61	89	0	237	0	0	0	0	0	61	0	7	3	7	38
5	Tân Phú	60	60	6	10	0	16	175	0	112	0	0	0	0	1	15	0	2	13	1	0
6	Trảng Bom	1528	1498	47	34	0	574	1672	2	4472	0	0	0	0	63	510	8	74	10	10	842
7	Thống Nhất																				
8	Xuân Lộc																				
9	Cẩm Mỹ	500	200	1	22	0	136	20	0	321	0	0	0	0	1	135	2	31	1	2	64
10	Long Thành	500	500	59	65	0	236	71	0	1949	0	0	0	0	0	236	8	66	8	112	264
11	Nhơn Trạch	4230	3000	128	60	0	1438	0	16	7693	0	0	0	12	360	1066	12	65	28	1345	1562
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		10678	8625	308	329	6	3233	5069	34	35421	0	0	0	14	509	2723	36	332	77	1494	5392
TỔNG TẦNG (3+2+1)		21573	18004	641	665	22	6180	7329	667	73070	46	32	28	208	1063	4925	116	845	354	2021	8579

Phụ lục 4: Tình hình Khu cách ly tập trung

[illegible]

5	Tân Phú											
6	Trảng Bom											
7	Thống Nhất	1	136	136	0	0	0	1.176	136	0	0	0
8	Xuân Lộc	1	300	300	93	81	122	1.996	178	6	0	0
9	Cẩm Mỹ	2	550	250	4	15	181	1.668	69	8	6	7
10	Long Thành	1	300	300	1	11	54	812	246	0	2	16
11	Nhơn Trạch	6	812	812	0	0	172	9.851	650	0	0	0
Tổng		29	8.212	5.615	158	383	1.234	45.174	4.391	35	22	38